

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2021/HNGĐ-ST
Ngày 25 – 6 – 2021
V/v yêu cầu cấp dưỡng nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Trọng Tâm

Ông Võ Sĩ Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Kiều – *Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Quốc Phong – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021 về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 440/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Lê Kiều T, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số 29, đường VVT, khóm S, phường M, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Đỗ Thị B, sinh năm 1965. Địa chỉ: Số 29, đường VVT, khóm S, phường M, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

*** Bị đơn:** Ông Văn Minh Tr, sinh năm 1981. Địa chỉ cư trú: Số 199, đường LTK, khóm N, phường S, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Đình C, sinh năm 1958. Địa chỉ: Số 142, đường PHT, khóm H, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Theo văn bản ủy quyền ngày 06/4/2021. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/02/2021, bản tự khai và lời khai được bổ sung tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Kiều T trình bày: Bà và ông Văn Minh Tr, trước đây là vợ chồng. Quá trình chung sống có 01 người con chung Văn Thành N sinh ngày 29/11/2009. Ông bà đã ly hôn theo bản án số 14/2013/HNGĐ-ST ngày 04/4/2013 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau. Khi ly hôn ông, bà đã thỏa thuận giao con chung Văn Thành N cho bà là người trực tiếp nuôi con. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con đã không yêu cầu giải quyết trong bản án ly hôn vì bà

và ông Tr thỏa thuận với nhau để tự ông Trước cấp dưỡng nuôi con. Sau đó ông T đã cấp dưỡng được 03 năm từ 2013 đến 2016, cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đ, việc giao nhận tiền cấp dưỡng được ông bà tự giao nhận với nhau không thông qua có quan thi hành án hay cơ quan nào khác. Từ tháng 4/2016 đến nay ông Tr ngưng không cấp dưỡng nuôi con. Nay bà yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ/tháng, giao tiền cấp dưỡng theo quý. Từ ngày 20/4/2016 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

* Ông Văn Minh Tr trình bày: Ông và bà T kết hôn năm 2007 đến năm 2009 có con chung Văn Thành N sinh ngày 29/11/2009, do mâu thuẫn gia đình nên năm 2013 ông bà ly hôn theo bản án của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau. Tại bản án không buộc trách nhiệm ông cấp dưỡng nuôi con, cũng không có việc thỏa thuận riêng để cấp dưỡng. Khi ly hôn ông không yêu cầu chia tài sản là quyền sử dụng đất ở phường 8, thành phố Cà Mau với mục đích để lại cho bà T nuôi con. Do nhà trên đất do mẹ vợ là bà Đỗ Thị B bỏ tiền ra cất nhà trên đất của ông và bà T, khi ly hôn ông bà đã làm hợp đồng tặng cho bà B toàn bộ quyền sử dụng đất. Đối với số tiền 2.000.000đ ông giao cho bà T từ khi ly hôn 2013 đến 2016 không phải là tiền cấp dưỡng mà là tiền ông cho riêng con ông do ông có điều kiện kinh tế. Nay ông chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con từ ngày bản án sơ thẩm buộc ông cấp dưỡng có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nên đủ 18 tuổi, mức cấp dưỡng nuôi con 700.000đ/tháng, đồng ý cấp dưỡng theo quý như yêu cầu của bà T. Hiện nay, mức lương hệ số của ông là 6.0 nhưng ông đã có vợ khác và có 01 người con riêng sinh năm 2017, nên có trách nhiệm nuôi con và còn trách nhiệm nuôi mẹ già. Trường hợp, bà T không có khả năng nuôi con thì giao con lại ông nuôi, không yêu cầu bà Trang cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bà T yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng kể từ tháng 4/2016 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Giao tiền cấp dưỡng theo quý.

Người đại diện của bị đơn thống nhất giao tiền cấp dưỡng theo quý vào ngày 01 dương lịch của tháng đầu tiên. Không thống nhất mức cấp dưỡng 3.000.000đ/tháng, chỉ đồng ý cấp dưỡng 745.000đ/tháng, kể từ khi bản án sơ thẩm của vụ án này có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã đảm bảo đúng thủ tục tố tụng dân sự. Về nội dung đề nghị áp dụng điều 107, 110, 116 Luật hôn nhân gia đình buộc anh Trước cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng kể từ ngày bản án cấp dưỡng có hiệu lực đến khi con chung đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Bà Lê Kiều T khởi kiện yêu cầu ông Văn Minh Tr cấp dưỡng nuôi con sau khi ông bà ly hôn. Quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp được xác định là tranh chấp cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 5 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Bà T và ông Tr thống nhất ông bà có con chung tên Văn Thành N sinh ngày 29/11/2009. Ông bà đã ly hôn vào năm 2013. Đối với việc bà T cho rằng sau khi ly hôn các bên có thỏa thuận và ông Tr thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng. Từ tháng 4/2016 đến nay ông Tr không thực hiện việc cấp dưỡng. Mặc dù ông Tr thừa nhận mỗi tháng có đưa cho bà T 2.000.000đ nhưng cho rằng là tiền ông cho riêng con ông không phải tiền cấp dưỡng. Nhưng thực tế ông Tr có đưa tiền cho bà T để cùng nuôi con chung thể hiện các bên đã tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con với nhau như lời bà T trình bày. Ông bà đều thừa nhận từ tháng 4/2016 đến nay ông Tr ngưng không cấp dưỡng 2.000.000đ mỗi tháng để nuôi con chung. Xét thấy việc cấp dưỡng nuôi con các bên tự thỏa thuận và thực hiện với nhau. Mãi đến tháng 02/2021 bà T mới có yêu cầu Tòa án buộc ông Tr cấp dưỡng nuôi con. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con. Tại bản án đã có hiệu lực giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, đến nay chưa có bản án quyết định nào thay đổi người trực tiếp nuôi con và bà T vẫn là người đang nuôi con nên ông Tr phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là đúng quy định tại khoản 2 điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, ông Tr cũng thống nhất trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con Văn Thành N. Nên yêu cầu của bà T buộc ông Tr cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ chấp nhận.

[3] Mức cấp dưỡng bà T yêu cầu là 3.000.000đ/tháng kể từ tháng 4/2016 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Đại diện của ông Tr không thống nhất mức cấp dưỡng 3.000.000đ/tháng, chỉ đồng ý cấp dưỡng 745.000đ/tháng, kể từ khi bản án sơ thẩm giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét thấy hiện nay với mức thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp ông Tr được nhận 13.772.565đ/tháng. Hiện nay ông Tr phải có trách nhiệm với mẹ già sinh năm 1951 đã hết tuổi lao động, vợ không có thu nhập và con riêng sinh năm 2017 chưa thành niên, cũng như chi phí cho gia đình và cuộc sống riêng của ông Tr. Mức cấp dưỡng nuôi con được xem xét trên cơ sở tự thỏa thuận của các đương sự nhưng hiện nay các bên không thỏa thuận được mức cấp dưỡng và yêu cầu Tòa án xem xét. Trên cơ sở thu nhập nhưng phải đảm bảo cuộc sống cho người có trách nhiệm cấp dưỡng. Sau khi ly hôn các bên đã thỏa thuận cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng, khi đó ông Tr chưa có vợ và con riêng. Hiện nay, mức cấp dưỡng 3.000.000đ/tháng bà T yêu cầu là cao so với mức thu nhập và chi phí cho cuộc sống riêng của ông Tr cũng như mức chi phí trung bình tại địa phương vì cấp dưỡng mang tính hỗ trợ cùng nhau nuôi con chứ không phải toàn bộ chi phí nuôi con chung. Mức cấp dưỡng ông Tr tự nguyện 745.000đ/tháng là thấp so với chi phí nuôi con và mức thu nhập của ông Tr trước. Mức cấp dưỡng đại diện Viện kiểm sát đề nghị 1.000.000đ/tháng là phù hợp nên chấp nhận.

Về thời gian cấp dưỡng: Từ khi ly hôn đến nay các bên tự thỏa thuận và thực hiện với nhau về vấn đề cấp dưỡng nên không có căn cứ để xem xét về thời điểm trước khi xét xử vụ án này. Đến nay bà T mới khởi kiện yêu cầu trách nhiệm cấp dưỡng, nên thời điểm cấp dưỡng được tính từ ngày bản án giải quyết về trách nhiệm cấp dưỡng có hiệu lực.

[4] Về án phí: Án phí cấp dưỡng nuôi con là án phí không giá ngạch ông Tr trước phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 82, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc ông Văn Minh Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Văn Thành N sinh ngày 29/11/2009. Số tiền cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng, kể từ ngày bản án cấp dưỡng có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Cấp dưỡng theo quý, ba tháng một lần. Giao tiền cấp dưỡng vào ngày 01 dương lịch tháng đầu tiên mỗi quý.

Kể từ ngày bà Lê Kiều T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Văn Minh Tr không thanh toán xong khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Về án phí: Án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) ông Văn Minh Tr phải nộp. Bà Lê Kiều T không phải nộp án phí, đã được miễn dự nộp tạm ứng án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau
- VKSND TP.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Phan Thị Thu